

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6- 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Dân

Ông Bùi Xuân Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị A; sinh năm: 1995; HKTT: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Làng F, xã G, huyện E, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Bùi B; sinh năm: 1993; HKTT: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị A, vắng mặt anh B. Anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị A trình bày: Chị và anh Bùi B kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 11/4/2016 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Phúc Thịnh, huyện E, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, anh Anh hay nghi ngờ, ghen tuông vô cớ. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 4/2019, chị đã về nhà ngoại sinh sống.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Lê Huyền Trang, sinh ngày 27/10/2017. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang, không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **A** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi **B** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **A** nhưng anh **B** không có mặt nên không có lời khai của anh Anh và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **A** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **B** không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Lê Thị **A** được ly hôn anh Bùi **B**. Giao cháu Bùi **O**, sinh ngày 27/10/2017 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Bùi **B** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **B** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh **B** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh **B** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **B**.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị **A** và anh Bùi **B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2016 tại UBND xã Phúc Thịnh, huyện **E**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Chị **A** đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **B** lên làm việc để anh **B** được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh **B** đều không có mặt, thể hiện anh **B** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **A**, anh **B** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **A** được ly hôn anh **B**.

[3] Về con cái: Chị **A** và anh **B** có 01 con chung. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị **A**, cháu chưa đủ 03 tuổi, lại là nữ ở với mẹ sẽ tốt hơn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **A**, giao cháu Trang cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị **A**, anh **B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **A** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị **A** được ly hôn anh Bùi **B**.

2. Về con cái: Giao cháu Bùi Lê Huyền Trang, sinh ngày 27/10/2017 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **B** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị **A** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **E**, theo biên lai số AA/2018/0006815 ngày 03/02/2020. Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **A**, vắng mặt anh Anh. Chị **A** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **B** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Dân

Bùi Xuân Thành

Nguyễn Thanh Tân

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Thịnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

